

Bản án số: 73/2019/HS-ST
Ngày: 11 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Hoa.

Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, tại Bình Dương; Nơi thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị C (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Thanh P (đã ly hôn) - có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2019 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Vũ Thị C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 1669/14C đường H, phường M, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Trần Thị Hồng L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 372C, ấp B, xã N, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Nguyễn Tấn C (vắng mặt), Phan Thanh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị B thuê căn nhà của bà Vũ Thị C để mở quán cà phê biển hiệu N thuộc ấp H, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do bị cáo B làm chủ quán. Do việc kinh doanh không thuận lợi nên bị cáo B nảy sinh ý định chứa tiếp viên bán dâm cho khách mua dâm tại quán N, đồng thời bị cáo B cũng thực hiện hành vi bán dâm tại quán để thu lợi. Bị cáo B thỏa thuận với tiếp viên khi bán dâm tại quán của B với giá 200.000 đồng/ 1 lượt, bị cáo B hưởng 50.000 đồng, tiếp viên hưởng 150.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 11/02/2019, bị cáo B đang ở quán cà phê biển hiệu N có Nguyễn Tấn C và Phan Thanh T đến uống nước. Bị cáo B mang nước ra và ngồi nói chuyện với C và T. Trong lúc nói chuyện thì bị cáo B có hỏi C, T có nhu cầu mua dâm hay không và báo giá bán dâm mỗi lần là 200.000 đồng, C và T đồng ý. Bị cáo B sử dụng số điện thoại 0397114609 nhá máy vào số điện thoại di động 0825783639 cho Trần Thị Hồng L biết để L đến quán thỏa thuận bán dâm cho khách mua dâm (do L và bị cáo B là bạn bè quen biết từ trước, L biết bị cáo B có bán dâm cho khách nên nhờ bị cáo B cho L bán dâm tại quán của B khi có khách đến mua dâm để L có tiền tiêu xài cá nhân). Sau đó, bị cáo B và C vào phòng số 2 bên trong quán để thực hiện việc mua bán dâm, sau khi quan hệ tình dục xong C trả cho bị cáo B 200.000 đồng và cả hai đi ra trước quán ngồi. Lúc này, L đang ngồi nói chuyện với T, L và T đã thỏa thuận giá bán dâm là 200.000 đồng. Sau đó, L và T đi vào phòng số 2 bên trong quán của B để thực hiện việc mua bán dâm. Khi L đang bán dâm cho T thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- 17 bao cao su (gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 15 bao cao su chưa qua sử dụng).

- 12 khăn lạnh (gồm: 02 khăn lạnh đã qua sử dụng, 10 khăn lạnh chưa qua sử dụng).

- 01 tấm nệm kích thước 1,4 x 02 mét.

- Số tiền: 400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu hồng, số sim 0825783639.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số sim 0397114609.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSDH ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Thị B gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B mức hình phạt tù 3 năm đến 4 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Đối với 17 bao cao su (02 cái đã qua sử dụng; 15 cái chưa qua sử dụng); 12 khăn lạnh (gồm 02 khăn lạnh đã qua sử dụng, 10 khăn lạnh chưa qua sử dụng); 01 tấm nệm kích thước 1,4 x 02m; số sim 0825783639 và số sim 0397114609: đây là công cụ, phương tiện bị cáo B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng L dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng và điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen: bị cáo B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng L dùng hai điện thoại này vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

+ Đối với số tiền 400.000 đồng – là số tiền dùng vào việc mua bán dâm nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên không xem xét.

Đối với Trần Thị Hồng L, Nguyễn Tấn C và Phan Thanh T có hành vi mua bán dâm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên đề nghị không đề cập, xem xét.

Đối với chị Vũ Thị C có hành vi cho bị cáo B thuê nhà và đất để kinh doanh quán nhưng không biết việc bị cáo cho tiếp viên bán dâm, cũng không có thỏa thuận và thu lợi gì từ việc bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của chị Vũ Thị C không cấu thành tội phạm nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị B hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị B trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 11 tháng 02 năm 2019, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11 tháng 02 năm 2019, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Thấy rằng, khoảng 16 giờ ngày 11 tháng 02 năm 2019, tại quán cà phê biển hiệu N thuộc ấp H, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An do Nguyễn Thị B làm chủ; bị cáo B đã thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Tấn C, sau đó để cho tiếp viên là Trần Thị Hồng L bán dâm cho anh Phan Thanh T tại căn phòng số 02 trong quán để thu lợi bất chính, trong lúc Thuyền và T đang mua bán dâm thì bị lực lượng Công an huyện Đức Hòa kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và tang vật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) với tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Thị B với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị B là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến khách thể trật tự công cộng, chuẩn mực đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc; việc chứa mại dâm là tiếp tay cho tệ nạn và lây truyền các căn bệnh xã hội. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha ruột ông Nguyễn Văn T là liệt sĩ, có anh trai Nguyễn Văn T1 có công với Cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến, tại phiên tòa bị cáo trình bày hoàn cảnh bị cáo khó khăn, ly hôn chồng phải nuôi con còn đi học và chăm cháu ngoại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Xét thấy, bị cáo B có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên cũng cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có thể răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị B là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tang vật chứng:

- Đối với 17 bao cao su (02 cái đã qua sử dụng; 15 cái chưa qua sử dụng); 12 khăn lạnh (gồm 02 khăn lạnh đã qua sử dụng, 10 khăn lạnh chưa qua sử dụng); 01 tấm nệm kích thước 1,4 x 02m; số sim 0825783639 và số sim 0397114609: đây là công cụ, phương tiện bị cáo B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng L dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng và điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen: bị cáo B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng L dùng hai điện thoại này vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 400.000 đồng – là số tiền dùng vào việc mua bán dâm nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội nên không xem xét.

[7] Đối với Trần Thị Hồng L, Nguyễn Tấn C và Phan Thanh T có hành vi mua bán dâm, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên không đề cập, xem xét.

Đối với chị Vũ Thị C có hành vi cho bị cáo B thuê nhà và đất để kinh doanh quán nhưng không biết việc bị cáo cho tiếp viên bán dâm, cũng không có thỏa thuận và thu lợi gì từ việc bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của chị Vũ Thị C không cấu thành tội phạm nên đề nghị không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Chứa mại dâm”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 4 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2019.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị B 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2019) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Về tang vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 17 bao cao su (02 bao cao su đã qua sử dụng; 15 bao cao su chưa qua sử dụng); 12 khăn lạnh (gồm 02 khăn lạnh đã qua sử dụng, 10 khăn lạnh chưa qua sử dụng); 01 tấm nệm kích thước 1,4 x 02mét; sim số 0825783639 và sim số 0397114609.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng); một (01) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng và một (01) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen.

Tang vật và tiền trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 88-30/5/2019 ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Biên lai thu tiền số 0001821 ngày 30/5/2019.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị B nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

4. Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoa – Nguyễn Thị Rạt

Trần Thị Kim Thanh